

Bản án số: 09/2025/KDTM-ST
Ngày: 11-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Ngọc;
- Ông Từ Anh Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2024/TLST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH Một thành viên H1; địa chỉ: 1, đường P, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1969; địa chỉ: Số G, đường N, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; là người đại diện theo pháp luật. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH A; địa chỉ: Thửa đất số 2823, tờ bản đồ số 12TDH.6, đường Đ, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Đức H, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

- *Người làm chứng:* Ông Lê Đức A, sinh năm 1990; thường trú: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Số A, đường Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện ngày 12/11/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên H1 là bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Ngày 02/6/2023, Công ty TNHH Một thành viên H1 (sau đây gọi tắt là Công ty H1) và Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt là Công ty A) đã ký Hợp đồng mua bán hàng hoá. Theo Hợp đồng này Công ty H1 bán cho Công ty A gia vị các loại như dầu ăn, bột ngọt, hạt nêm, ... với giá được tính theo từng thời điểm xác nhận. Ngày 23/01/2024, Công ty H1 và Công ty A đã cùng ký Biên bản xác nhận công nợ. Theo biên bản trên, Công ty TNHH A xác nhận còn nợ Công ty H1 số tiền 441.116.208 đồng. Từ khi xác nhận công nợ đến nay Công ty A chỉ trả cho Công ty H1 số tiền 214.000.000 đồng. Mặc dù Công ty H1 đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty A trả đủ số tiền còn nợ theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 23/01/2024 nhưng Công ty A vẫn không trả đủ tiền cho Công ty H1. Hiện nay, Công ty A còn nợ Công ty H1 số tiền 227.116.208 đồng.

Tại đơn khởi kiện Công ty H1 yêu cầu Công ty A phải trả cho Công ty H1 số tiền hàng là 227.116.208 đồng và tiền lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán (tạm tính với mức lãi suất 10%/năm) tương ứng với thời gian chậm trả, tạm tính từ ngày 23/01/2024 đến ngày 12/11/2024 với số tiền: 18.355.968 đồng.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 10/02/2025: Công ty TNHH Một thành viên H1 yêu cầu Công ty TNHH A thanh toán số tiền hàng là 227.116.208 đồng và tự nguyện chỉ yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 23/01/2024 đến ngày 23/01/2025: $227.116.208 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} = 22.711.621$. Tổng số tiền Công ty H1 yêu cầu Công ty A phải trả là: $227.116.208 \text{ đồng} + 22.711.621 \text{ đồng} = 249.827.829 \text{ đồng}$.

- *Tại bản tự khai ngày 28/11/2024, người làm chứng ông Lê Đức A trình bày:*

Trước năm 2022, Công ty TNHH A do ông Lê Đức H là người đại diện theo pháp luật, sau đó thay đổi ông Lê Đức A là người đại diện theo pháp luật. Từ ngày 18/11/2024, Công ty A thay đổi người đại diện là ông Lê Đức H, trụ sở công ty tại thửa đất số 2823, tờ bản đồ số 12TDH.6, đường Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trước đây Công ty TNHH A và Công ty TNHH MTV H1 có giao dịch mua bán hàng hoá với nhau, đã chốt công nợ đến tháng 6/2023 là 205.814.000 (hai trăm lẻ năm triệu tám trăm mười bốn nghìn) đồng. Sau đó, ông Lê Đức A đại diện Công ty TNHH A ký kết với Công ty TNHH MTV H1 hợp đồng mua bán hàng hoá ngày 02/6/2023. Công ty H1 bán cho Công ty A gia vị các loại như dầu ăn, bột ngọt, hạt nêm, ... theo đúng nội dung trong hợp đồng mà nguyên đơn

đã cung cấp. Hai bên thỏa thuận thanh toán hết công nợ cũ, sau đó công nợ mới sẽ thanh toán theo phương thức thanh toán trong hợp đồng ngày 02/6/2023. Theo đó, Công ty A đã thanh toán hết công nợ cũ, đồng thời phát sinh công nợ mới. Ngày 23/01/2024, ông Lê Đức A ký xác nhận nợ Công ty TNHH MTV H1 số tiền là 227.116.208 (hai trăm hai mươi bảy triệu một trăm mười sáu nghìn hai trăm lẻ tám) đồng trước khi bàn giao cho ông Lê Đức H. Hiện tại Công ty A chưa thanh toán được vì chưa có nguồn thu từ công ty.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH A là ông Lê Đức H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập đến Tòa án tự khai trình bày ý kiến, yêu cầu cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng trong suốt quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.*

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc trả số tiền hàng còn nợ và lãi chậm thanh toán có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH A đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 21/01/2025, 11/02/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người làm chứng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Nguyên đơn Công ty TNHH MTV H1 trình bày về việc có giao dịch mua bán hàng hóa với Công ty A, hai bên đã chốt công nợ ngày 23/01/2024 với tổng số tiền hàng Công ty A còn nợ là 441.116.208 đồng. Chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là bản chính Hợp đồng mua bán hàng hoá ngày 02/6/2023 được ký kết giữa người đại diện hợp pháp của Công ty H1 và người đại diện hợp pháp của Công ty A. Theo nội dung hợp đồng thể hiện hàng hoá Công ty H1 cung cấp cho Công ty A là gia vị các loại, đồng thời trước khi ký hợp đồng ngày 02/6/2023 giữa hai bên đã ký kết

hợp đồng ngày 18/7/2022 và công nợ còn lại của hợp đồng này là 205.814.000 đồng. Đồng thời nguyên đơn cung cấp Biên bản xác nhận công nợ ngày 23/01/2024 trong đó Công ty TNHH Á do ông Lê Đức A đại diện xác nhận số tiền còn nợ Công ty H1 đến ngày 23/01/2024 là 441.116.208 đồng. Tại Bảng kê chi tiết công nợ Ánh Hào Quang từ ngày 05/6/2023 đến 23/01/2024 ông Lê Đức A cũng xác nhận công nợ trên. Như vậy, trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Quá trình tố tụng Tòa án đã thông báo cho bị đơn về việc thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, tuy nhiên bị đơn không có ý kiến phản đối, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử nhận định giao dịch hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên là có thật và số tiền hàng mà bị đơn còn nợ nguyên đơn tính tới ngày 23/01/2024 là 441.116.208 đồng. Quá trình tố tụng nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã thanh toán được một phần nợ là 214.000.000 đồng, số tiền hàng còn lại là 227.116.208 đồng. Đây là sự thừa nhận của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn, là tình tiết không phải chứng minh.

[2.2] Căn cứ Hợp đồng mua bán hàng hoá ngày 02/6/2023 thể hiện thỏa thuận về phương thức thanh toán: Đối với số tiền nợ cũ 205.814.000 đồng Công ty Á sẽ thanh toán vào ngày 05/6/2023 và ngày 15/6/2023. Đối với công nợ mới sẽ được thanh toán theo phương thức: chốt công nợ vào ngày 30 và thanh toán vào ngày 15 của tháng tiếp theo. Căn cứ Bảng kê chi tiết công nợ Ánh Hào Quang từ ngày 05/6/2023 đến 23/01/2024 thể hiện số tiền hàng nợ cuối cùng vào ngày 27/12/2023. Như vậy, cho đến nay bị đơn chưa thanh toán tiền toàn bộ hàng cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà hai bên thỏa thuận và vi phạm quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng còn thiếu là 227.116.208 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm trả tiền hàng là có căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại. Tại Hợp đồng mua bán hàng hoá ngày 02/6/2023 không thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán, do đó sẽ được xác định theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất 10%/năm như nguyên đơn yêu cầu phù hợp với lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường mà Tòa án thu thập tại Ngân hàng TMCP N, Ngân hàng TMCP C và Ngân hàng N1. Nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 23/01/2024 đến ngày 23/01/2025, như vậy tiền lãi được tính như sau: $227.116.208 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm} = 22.711.621 \text{ đồng}$.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH Á phải chịu theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên H1 tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 91, 92, 147, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 50, 55 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên H1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH A.

Buộc Công ty TNHH A phải thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên H1 tổng số tiền 249.827.829 (hai trăm bốn mươi chín triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi chín) đồng, trong đó tiền hàng còn nợ là 227.116.208 đồng (hai trăm hai mươi bảy triệu một trăm mười sáu nghìn hai trăm lẻ tám) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 22.711.621 (hai mươi hai triệu bảy trăm mười một nghìn sáu trăm hai mươi một) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH A phải chịu 12.491.391 (mười hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn ba trăm chín mươi một) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên H1 6.136.804 (sáu triệu một trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm lẻ bốn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001928 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân